

BỘ NGOẠI GIAO

THÔNG TƯ số 769-NG/TT ngày 17-4-1993 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 4-CP ngày 18-1-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Nghị định số 157-CP ngày 9-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 4-CP ngày 18-1-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Ngoại giao ra Thông tư hướng dẫn một số vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Người nước ngoài muốn nhập cảnh Việt Nam phải làm thủ tục tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và các cơ quan khác được Bộ Ngoại giao ủy quyền ở nước ngoài (dưới đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài). Trường hợp cá biệt có thể làm thủ tục thông qua cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam.

Những cơ quan hoặc tổ chức được liên hệ với cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh trong nước để làm thủ tục cho người nước ngoài vào Việt Nam là những cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 4 Quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 1-12-1992 của Chính phủ.

Ưu tiên giải quyết các trường hợp sau:

- Khách mời của Đảng (theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng), của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó

Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, khách của các thành viên Chính phủ và các ngành thuộc diện Thủ tướng Chính phủ ra quyết định mời vào;

- Thành viên các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam; những người mang hộ chiếu ngoại giao; khách mời của đại sứ, đại biện, của người đứng đầu cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

- Những người nước ngoài gốc Việt Nam;

- Những trường hợp khác theo hiệp định hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ nước ta với Chính phủ nước hữu quan.

2. Thời hạn thị thực, loại thị thực được cấp theo quyết định duyệt nhân sự của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Trung ương ở trong nước, căn cứ theo đề nghị của khách.

Người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định tính chất thị thực cấp cho người nước ngoài.

3. Những người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao lãnh sự làm thủ tục đăng ký cư trú tại Bộ Ngoại giao hoặc tại các Sở, Ban ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Những thủ tục nói trên cần được giải quyết nhanh chóng trên tinh thần tôn trọng các công ước quốc tế mà nước ta đã tham gia (Công ước về quyền ưu đãi, miễn trừ của Liên hợp quốc ngày 12-4-1946, Công ước Viên về quan hệ ngoại giao ngày 18-4-1961 và Công ước Viên về quan hệ lãnh sự ngày 12-4-1963).

II. THỦ TỤC XIN CẤP THỊ THỰC TẠI CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

1. Những cơ quan dưới đây được ủy quyền làm thủ tục cho người nước ngoài vào Việt Nam:

- Các Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán Việt Nam ở nước ngoài;

- Các cơ quan đại diện khác của Việt Nam ở nước ngoài được ủy nhiệm thực hiện một số chức năng lãnh sự (Văn phòng liên lạc kinh tế - văn hóa, Văn phòng thị thực v.v.).

Bộ Ngoại giao sẽ thông báo định kỳ danh sách những cơ quan nói trên.

2. Về nguyên tắc, người nước ngoài thường trú ở nước nào làm thủ tục nhập cảnh Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước đó hoặc ở nước kiêm nhiệm. Những người xuất phát từ những nước chưa có quan hệ ngoại giao với nước ta và những người nước ngoài khác có yêu cầu, có thể làm thủ tục tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước thứ ba.

3. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan chủ quản đón khách, đồng điện Bộ Nội vụ (Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Ngoại giao (Vụ Lãnh sự) những yếu tố sau:

- Họ và tên,
- Ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh,
- Quốc tịch (gốc và hiện nay),
- Nghề nghiệp và nơi thường trú,
- Mục đích, thời gian và cửa khẩu vào Việt Nam,
- Loại và số hộ chiếu,
- Lấn vào Việt Nam gần nhất (nếu có).

4. Sau khi Bộ Nội vụ cấp phép nhập cảnh (đối với những trường hợp Bộ Nội vụ xét nhân sự), Bộ Ngoại giao sẽ điện báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách.

Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng Vụ Lãnh sự, Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh ký điện hoặc ủy quyền cho Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng xuất nhập cảnh Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lãnh sự Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh ký điện báo cấp thị thực vào Việt Nam.

5. Cơ quan đại diện cấp thị thực với thời hạn ghi trong điện báo cấp thị thực. Trường hợp trong điện báo không ghi thời hạn cụ thể, cơ quan đại diện có quyền quyết định theo yêu cầu của khách, nhưng không được quá 90 ngày (3 tháng).

Nếu khách yêu cầu cấp thị thực có thời hạn dài hơn 90 ngày, cơ quan đại diện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong nước và cấp thị

thực sau khi nhận được thông báo của cơ quan nói ở mục II-4 Thông tư này. Điều đó cũng áp dụng nếu khách yêu cầu cấp thị thực có giá trị nhiều lần.

Thị thực được cấp vào hộ chiếu hoặc cấp rời theo quy định của liên Bộ Ngoại giao - Nội vụ.

Chỉ những người được ủy nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự và đã thông báo mẫu chữ ký cho các cơ quan chức năng trong nước (Vụ Lãnh sự, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng) mới được quyền ký thị thực.

III. THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THỊ THỰC Ở TRONG NƯỚC

1. Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Lãnh sự tại Quảng Nam - Đà Nẵng cấp thị thực xuất cảnh, xuất - nhập cảnh; gia hạn, bổ sung, sửa đổi các loại thị thực Việt Nam đối với những người nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự.

2. Những công việc nói ở mục 1 được thực hiện theo yêu cầu bằng công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, công văn của các cơ quan Việt Nam đón khách hoặc theo yêu cầu của Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao.

Kèm theo công hàm, công văn yêu cầu phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và có chứng nhận tạm trú của Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao.

3. Việc hủy bỏ thị thực nhập cảnh, thị thực nhập - xuất cảnh đối với người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự là một việc hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quan hệ đối ngoại của Nhà nước ta. Vì vậy phải tuyệt đối tuân thủ quy định tại Điều 6 và Điều 14 Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời lưu ý quan hệ giữa nước ta với những nước hữu quan.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc hủy bỏ các loại thị thực đã cấp cho những người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh

sự, theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lãnh sự có sự tham khảo cần thiết với các vụ chính trị của Bộ Ngoại giao và các cơ quan hữu quan khác.

IV. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ, ĐI LẠI Ở VIỆT NAM

1. Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao, các Sở, Ban Ngoại vụ các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương quản lý việc đăng ký cư trú của người nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự cư trú tại địa phương đó.

2. Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhập cảnh, bản thân người nước ngoài hoặc cơ quan đón khách phải làm thủ tục đăng ký cư trú tại một trong những cơ quan nói tại khoản 1 Điều này.

Hồ sơ xin đăng ký cư trú gồm có:

- Công văn của cơ quan Việt Nam đón khách kèm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- 2 bản khai đăng ký cư trú theo mẫu do Bộ Ngoại giao quy định, có dán ảnh của đương sự;
- Hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, phiếu nhập cảnh Việt Nam;
- Công hàm xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, đại diện của các Tổ chức quốc tế tại Việt Nam gửi cùng hộ chiếu, 2 bản khai đăng ký cư trú, có dán ảnh của đương sự là thành viên của cơ quan đó hoặc là thành viên gia đình những người này và gửi thêm một ảnh để cấp "Chứng nhận tạm trú".

3. Việc gia hạn "Chứng nhận tạm trú" hoặc thay đổi mục đích tạm trú của người nước ngoài do cơ quan Việt Nam đã cấp chứng nhận tạm trú thực hiện.

Thời hạn chứng nhận tạm trú nhiều nhất không quá ba năm (36 tháng) và có thể gia hạn mỗi lần không quá một năm (12 tháng). Khi rời Việt Nam những người này phải nộp lại "Chứng nhận tạm trú" cho cơ quan đã cấp.

4. Sau khi đã đăng ký cư trú người nước ngoài được đi lại tự do trên lãnh thổ Việt Nam, trừ những khu vực cấm.

Các đại sứ, đại biện hoặc Trưởng đại diện các Tổ chức Quốc tế đi địa phương làm việc và gặp gỡ lãnh đạo Việt Nam tại địa phương

cần thông báo trước 7 ngày cho Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao.

Việc đi lại, tiếp xúc của thành viên các cơ quan lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện phù hợp với Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự và các Hiệp định Lãnh sự song phương với những nước hữu quan.

5. Việc hủy bỏ chứng nhận tạm trú dẫn đến hậu quả người nước ngoài phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong một thời hạn nhất định. Đối với những người nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ thì điều này gây hậu quả trực tiếp đến quan hệ đối ngoại của Nhà nước ta.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc hủy bỏ chứng nhận tạm trú đối với những người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ, theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lễ tân, có sự tham khảo cần thiết với các vụ chính trị của Bộ Ngoại giao và các cơ quan hữu quan khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc thu lệ phí cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi thị thực, chứng nhận tạm trú nói trong Thông tư này được áp dụng theo những quy định hiện hành và theo nguyên tắc có đi có lại.

2. Chánh Văn phòng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo định kỳ danh sách những cơ quan đại diện ngoài nước được ủy quyền cấp thị thực cho người nước ngoài vào Việt Nam, theo mục II-Đ. Thông tư này.

Vụ trưởng Vụ Lãnh sự, Vụ trưởng Vụ Lễ tân, Giám đốc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thực hiện Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 4-CP ngày 18-1-1993 của Chính phủ và Thông tư này.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký. Những văn bản của Bộ Ngoại giao trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
NGUYỄN MẠNH CẦM